

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành  
Dự án: Xử lý cấp bách đê hữu sông Mã từ K53+450-K56+060**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ các Quyết định: số 5461/QĐ-UBND ngày 23/12/2020, số 2562/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án xử lý cấp bách đê hữu sông Mã từ K53+450-K56+060;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4102/STC-ĐT ngày 28/7/2022, Công văn số 1029/STC-ĐT ngày 08/3/2023, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán ngày 28/7/2022 và Tờ trình số 117/TTr-SNN&PTNT ngày 24/6/2022 (kèm theo hồ sơ) của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án xử lý cấp bách đê hữu sông Mã từ K53+450-K56+060.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

**Tên dự án:** Xử lý cấp bách đê hữu sông Mã từ K53+450-K56+060.

**Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT.  
**Địa điểm xây dựng:** Xã Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa.  
**Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):** Ngày 26/6/2020 - 09/3/2022.

**Điều 2. Kết quả đầu tư.**

1. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: Đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	<b>Tổng số</b>	<b>19.969.361.000</b>	<b>19.780.027.000</b>
1	Xây dựng + BH + hoàn trả đường	17.838.770.000	17.777.638.000
2	Quản lý dự án	425.517.000	390.700.000
3	Tư vấn	1.405.152.000	1.357.089.000
4	Chi phí khác	299.922.000	254.600.000

2. Vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: Đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án điều chỉnh lần cuối	Thực hiện		
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5
	<b>Tổng số</b>	<b>22.282.400.000</b>	<b>19.780.027.000</b>	<b>19.793.095.000</b>	<b>13.068.000</b>
1	Vốn đầu tư công	22.282.400.000	19.780.027.000	19.793.095.000	13.068.000
	Ngân sách Trung ương (nguồn dự phòng năm 2019)	22.282.400.000	19.780.027.000	19.793.095.000	13.068.000

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

*Đơn vị tính: Đồng*

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý (nếu có)		Giao đơn vị khác quản lý (nếu có)	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
	<b>Tổng số</b>			<b>19.780.027.000</b>	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			19.780.027.000	
2	Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:
- 4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- 4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.
5. Vật tư, thiết bị tồn đọng (nếu có): Không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: Đồng*

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>	<b>19.780.027.000</b>	
1	Vốn đầu tư công	19.780.027.000	
	Ngân sách Trung ương (nguồn dự phòng năm 2019)	19.780.027.000	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 24/6/2022:

**a) Tổng nợ phải thu: 13.068.000 đồng**

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa: 13.068.000 đồng

**b) Tổng nợ phải trả: Không đồng**

Các khoản phải thu được chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: Đồng*

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa	19.780.027.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

- Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình phê duyệt quyết toán.

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa chịu trách nhiệm thu hồi số vốn đã thanh toán quá so với giá trị quyết toán nộp ngân sách; phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa thực hiện lập, quyết toán chi phí bồi thường GPMB phục vụ dự án theo quy định.

4. Các nghiệp vụ khác (nếu có): Thanh toán theo chế độ hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**